

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA HÀ LAN

(PHẦN 1)

Hà Lan (Netherlands hoặc Holland) là một quốc gia có diện tích khoảng 41.528km² (26% tương đương 7.700km² thấp dưới mực nước biển) tại Tây Âu, phía Đông giáp với Đức, phía Nam giáp với Bỉ, phía Bắc và Tây được bao bọc bởi biển Bắc¹. "Netherland có nghĩa là vùng đất thấp tượng trưng cho quốc gia Hà Lan có phần lớn địa hình thấp và bằng phẳng, với khoảng 50% diện tích bề mặt có độ cao trên 1m so với mực nước biển, phần còn lại thấp hơn mực nước biển. Phần đất được cải tạo từ hồ và biển, ước tính chiếm khoảng 17% đất liền. Hà Lan có một hệ thống mạng lưới sông ngòi, kênh đào, hồ rất dày đặc, trong đó nổi bật với các nhánh sông của những sông lớn nhất châu Âu như sông Rhine, sông Meuse, sông Scheldt, sông Elms. Cảng Rotterdam là cảng lớn nhất của châu Âu và được xem là cảng lớn nhất thế giới bên ngoài châu Á.

Dân số của Hà Lan khoảng 17.104.276 người (ước tính năm 2018)². Đa số cư dân Hà Lan thuộc dân tộc Hà Lan. Hà Lan là một quốc gia có mật độ dân số cao, với trên 400 người/km² còn nếu chỉ tính đất liền, con số này là trên 500 người/km². Randstad là chùm đô thị lớn nhất Hà Lan, nằm tại phía Tây của đất nước, Amsterdam thuộc tỉnh Noord-Holland, Rotterdam và Den Haag thuộc tỉnh Zuid-Holland, và Utrecht thuộc tỉnh Utrecht là 4 thành phố lớn nhất. Randstad có khoảng 7 triệu cư dân và là vùng đại đô thị lớn thứ năm tại châu Âu. Theo Cục Thống kê Trung ương Hà Lan, vào năm 2015, có 280 cư dân Hà Lan có thu nhập khả dụng trên 40.000 euro (không bao gồm chi tiêu vào y tế hay giáo dục)³.

1. Áp lực phát triển kinh tế tới môi trường

Nền kinh tế của Hà Lan thuộc nhóm nước có trình độ phát triển hàng đầu của châu Âu và thế giới. Năm 2018, GDP của Hà Lan xấp xỉ đạt 850 triệu đô la Mỹ, xếp vị trí thứ 18 thế giới. Tăng trưởng kinh tế của Hà Lan luôn duy trì ở mức

¹ Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Vương quốc Hà Lan, URL: <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeQuocGia?diplomacyNationId=207&diplomacyZoneId=3&vietnam=0>, truy cập ngày 20/11/2018

² World population review (2018), Netherlands Population 2018, URL: <http://worldpopulationreview.com/countries/netherlands-population>, truy cập ngày 15/8/2018.

³ World population review (2018), Netherlands Population 2018, URL: <http://worldpopulationreview.com/countries/netherlands-population/>, truy cập ngày 15/8/2018.

ngang bằng so với mức bình quân của các nước trong khối EU. Các ngành kinh tế chủ yếu của Hà Lan bao gồm thực phẩm, hóa chất, luyện kim, chế tạo máy, hàng điện tử, mậu dịch, dịch vụ và du lịch. Nền nông nghiệp được cơ giới hóa ở mức cao đã khiến Hà Lan trở thành một trong hai quốc gia có năng lực xuất khẩu thực phẩm lớn nhất thế giới trong những năm qua. Kinh tế phát triển khiến cho đời sống của người dân Hà Lan ở mức rất cao, thu nhập bình quân đầu người hiện nay khoảng 50.000 đô la, xếp thứ 12 trên thế giới năm 2017. Hà Lan có hệ số GINI tương đối thấp.

Kinh tế Hà Lan đã thực sự cất cánh từ khi bước sang thế kỷ 21. sau hơn một thập kỷ tăng trưởng chậm, GDP của Hà Lan đã tăng 9% trong giai đoạn 2000-2010 mặc dù đã bị giảm 3,3% trong suy thoái kinh tế 2008-2009. Nền kinh tế đã chứng tỏ được khả năng phục hồi và vượt qua khủng hoảng cao khi tốc độ tăng trưởng GDP năm 2010 đạt hơn 4%, và luôn duy trì tốc độ trung bình khoảng hơn 1% với mức lạm phát thấp trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đã suy giảm giai đoạn 2011-2017. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng liên tục qua các năm, từ khoảng 27.300 USD năm 2000 đến xấp xỉ 48.000 USD năm 2015, 53.579 USD năm 2016 tính theo ngang giá sức mua (PPP), giúp Hà Lan nằm trong hơn 10 quốc gia có thu nhập bình quân cao nhất thế giới hiện nay. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi một cách vững chắc với khoảng 29% công nghiệp, 70% dịch vụ và gần 1% nông nghiệp trong GDP năm 2016. Nền kinh tế có sức cạnh tranh quốc tế cao thể hiện những lợi ích đạt được trong thương mại quốc tế, xuất khẩu đã tăng từ 30,8% GDP năm 2000 đến 46% GDP năm 2016 trong khi nhập khẩu tăng từ 30,6% GDP năm 2000 đến 38,4% GDP năm 2016. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ 0,854 năm 2000 đến mức 0,926 năm 2015⁴.

Môi trường là một trong những yếu tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Hà Lan. Đây là cơ sở giúp Hà Lan phát triển ngành nông nghiệp, ngành công nghiệp khí đốt. Mặc dù có diện tích nhỏ, không phải quốc gia có nhiều loại tài nguyên thiên nhiên, Hà Lan vẫn nắm giữ khoảng 25% trữ lượng khí đốt của châu Âu, tập trung vào than đá và khí gas. Ví dụ, mỏ khí Groningen ở gần khu Slochteren phía Đông Bắc của Hà Lan được xem là một trong các mỏ khí đốt tự

⁴ The statistic portal (2018), Netherlands: Distribution of gross domestic product (GDP) across economic sectors from 2007 to 2017, [URL:https://www.statista.com/statistics/276713/distribution-of-gross-domestic-product-gdp-across-economic-sectors-in-the-netherlands/](https://www.statista.com/statistics/276713/distribution-of-gross-domestic-product-gdp-across-economic-sectors-in-the-netherlands/), truy cập ngày 11/10/2018.

- Trading economic (2018), Netherlands GDP per capita, URL: <https://tradingeconomics.com/netherlands/gdp-per-capita>, truy cập ngày 18/10/2018

nhiên lớn nhất trên thế giới, và việc khai thác mỏ này đã tạo được doanh thu 159 tỷ euro từ năm 1975 đến năm 2009. Nông nghiệp, đây là khu vực rất quan trọng đối với nền kinh tế Hà Lan. Hàng năm, nông nghiệp chiếm khoảng 10% GDP và 10% tổng số việc làm được tạo ra. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Hà Lan rất cao và được duy trì liên tục trong những năm qua, khiến Hà Lan trở thành nước có nền nông nghiệp xuất khẩu lớn thứ 2 trên thế sau Mỹ⁵.

Ô nhiễm nước, với nguồn tài nguyên nước tương đối phong phú đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội, khoảng 3.000km nước ngọt và hơn 4.000km nước mặn. Do đặc điểm địa lý, Hà Lan nằm ở vùng đất thấp khiến nguồn nước của Hà Lan nhạy cảm với ô nhiễm. Bên cạnh đó, quá trình tăng trưởng kinh tế, đô thị hóa nhanh khiến cho lượng dân cư tập trung cao, lượng chất thải lớn... khiến cho nước tại các khu vực sông, hồ Hà Lan trở nên ô nhiễm. Những năm 1990 trở về trước chất lượng của nước trên bề mặt sông, hồ thấp, đe dọa sự an toàn đối với sinh vật và con người. Tuy nhiên, hiện nay do các chính sách bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm ngặt, cùng những đổi mới về công nghệ và phương thức sản xuất hướng tới phát triển bền vững, chất lượng nước tại các sông, hồ, kênh rạch tại Hà Lan được cải thiện. Theo

Báo cáo môi trường của OECD về Hà Lan năm 2015⁶. Hà Lan có hệ thống quản lý tài nguyên nước chặt chẽ nhưng quốc gia này cũng đang phải chịu sức ép trong việc bảo vệ nguồn nước do có sự suy giảm chất lượng nguồn nước, không đáp ứng được tiêu chuẩn an toàn của Hà Lan.

Ô nhiễm không khí cũng là vấn đề nhận được sự quan tâm của Hà Lan. Quá trình tăng trưởng kinh tế, đô thị hóa, tăng cường hoạt động giao thông vận tải dẫn đến lượng khí thải tăng nhanh, như khí nitơ ôxít (NO_x), sunphua điôxít (SO₂), carbon điôxít (CO₂), khí mêtan (CH₄), và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi mêtan (NMVOC)...

Bên cạnh đó, ô nhiễm không khí còn có nguồn gốc từ các quốc gia xung quanh và biến đổi khí hậu. Ô nhiễm không khí được coi là một trong 3 nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ tử vong cao ở Hà Lan trong 1990 trở về trước. Gần đây, nhờ

⁵ OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

⁶ OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

những cố gắng kiểm soát ô nhiễm không khí, chất lượng không khí của Hà Lan đã có những bước cải thiện rõ rệt, đặc biệt đối với khí CO₂, SO₂, CH₄, NMVOC, trong khi vẫn duy trì được tăng trưởng kinh tế. Theo đánh giá của Báo cáo OECD (2015) về môi trường của Hà Lan các chỉ số cải thiện là chưa đáp ứng được các mục tiêu cam kết đặt ra và cần phải có những nỗ lực về mặt thể chế và chính sách hơn nữa, đặc biệt trên phương diện hiệu quả về mặt chi phí.

Nguồn tài nguyên bị suy giảm, cùng với ô nhiễm không khí và nước, việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên quá mức dẫn đến suy thoái, cạn kiệt cũng trở thành mối quan tâm chính của Hà Lan. Trước những năm 1990, nước này xuất khẩu ô nhiễm tài nguyên khí tự nhiên như: khí ga, than đá, dầu mỏ... (điều này được biết đến như là căn bệnh Hà Lan), gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với khu vực sản xuất cũng như dự trữ khí tự nhiên sau này. Những năm gần đây mặc dù nguồn tài nguyên kể trên đã được quản lý và kiểm soát chặt, sự suy giảm vẫn còn hiện hữu nhưng với tốc độ chậm hơn. Hà Lan cũng chú ý nhiều hơn tới tài nguyên đất, rừng, nước, sinh vật... đã xác định được nhiều khu vực cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

2. Mục tiêu và nội dung căn bản trong chính sách bảo vệ môi trường của Hà Lan những năm gần đây

Hà Lan được xem là một trong những quốc gia có lịch sử lâu đời bảo vệ môi trường. Các mục tiêu của chính sách môi trường châu Âu về cơ bản nhất quán và nhận được sự đồng thuận của các tầng lớp xã hội. Cụ thể, từ sau những năm 2000 khi mà chính sách môi trường châu Âu tập trung vào các mục tiêu "phát triển bền vững", "tăng trưởng xanh", "thích nghi với biến đổi khí hậu" thì trong những chừng mực nhất định chính sách môi trường của Hà Lan đã đi trước hoặc cụ thể hóa những mục tiêu này trong nội dung của mình.

Thích ứng và giảm bớt tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu: thể hiện trong các Chương trình sạch và hiệu quả (2007) và Chiến lược năng lượng (2008) với mục tiêu giảm 30-40% phát thải khí nhà kính (GHG) so với năm 1990, 20% năng lượng tái tạo trong hỗn hợp năng lượng và cải thiện hiệu quả năng lượng hàng năm 2% vào năm 2020; Chiến lược thích ứng Quốc gia (NAS) (2007) và Chương trình Delta (2010) tập trung vào sự thích ứng trong quản lý nước đối với biến đổi khí hậu.

Kiểm soát ô nhiễm không khí: thể hiện trong các Chỉ thị của EU về Chất lượng không khí và không khí sạch xung quanh (EU Directive on Ambient Air Quality and Cleaner Air) (2008) nhằm tích hợp tiêu chuẩn của EU vào EMA; Chương trình phối hợp chất lượng không khí quốc gia (2014/2017) nhằm tăng cường sự phối hợp các cấp đối với quản lý ô nhiễm không khí.

Để đạt được mục tiêu này Hà Lan cần chuẩn hóa tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nước và giảm ô nhiễm không khí phù hợp với chỉ dẫn của EU và các thỏa thuận quốc tế như các Nghị định thư Gothenburg và Nghị định thư Kyoto. Các mục tiêu cụ thể bao gồm việc thiết lập các tiêu chuẩn đối với hợp chất trong không khí, giảm mưa axit, giảm nồng độ các khí gây hiệu ứng nhà kính (GHG). Kế hoạch NEPP-4 được thông qua năm 2001 chỉ rõ tiêu chuẩn (cho đến 2010) đối với các hóa chất có khả năng axit hóa như SO₂, NO, NH₃, và NMVOCs, nhằm bảo vệ 20-30% các khu vực chịu ảnh hưởng. Nhìn chung mục tiêu này thấp hơn so với mức NEPP yêu cầu là 80% nhưng cao hơn nhiều so với yêu cầu của Chỉ dẫn EU năm 2001 hay Nghị định thư Gothenburg năm 1999,

Quản lý nguồn nước: thể hiện trong Luật kênh đào quản lý rủi ro là lụt và nguồn cung cấp nước ngọt (Delta Act on Flood Risk Management and Freshwater Supplies) (2012). Mục tiêu quản lý nước trong những năm đầu thế kỷ 21 về cơ bản là sự tiếp tục những định hướng đã đề cập trong Chính sách quốc gia về quản lý nước (1998) (NW4) và Kế hoạch chính sách môi trường quốc gia (2001) (NEPP-4), trong đó nhấn mạnh đến mục tiêu tạo ra nguồn nước an toàn, có khả năng phục hồi. Đối tượng quản lý nước hướng đến bao gồm: giảm ô nhiễm ở biển Bắc; giảm ô nhiễm hệ thống xử lý nước thi công cộng; giảm ô nhiễm trong nông nghiệp; nâng cao chất lượng nước uống và nước ngầm; bảo vệ nguồn nước sông, biển; ứng phó với lũ lụt; chống suy giảm nước ngầm.

Bảo vệ đa dạng sinh học và tự nhiên: thể hiện qua Mạng lưới sinh thái quốc gia (NEN) khuyến khích đa dạng sinh học và thực hiện các cam kết quốc tế theo Công ước đa dạng sinh học của Liên hợp quốc và chỉ dẫn của EU đối với các loại chim và nơi cư trú; Chương trình vốn của tự nhiên (2013); Luật Bảo tồn quốc gia sửa đổi (2014). Mục tiêu bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học được đề cập lần đầu trong Kế hoạch chính sách tự nhiên năm 1990. Đến nay, mục tiêu bảo vệ đa dạng sinh học được đề cập trong chương trình con người và tự nhiên, NEPP 4 gồm bảo vệ tự nhiên, bảo vệ rừng và bảo vệ cảnh quan tự nhiên, chống hiện tượng phú dưỡng, sa mạc hóa, sự axit hóa... từ đó làm giảm áp lực đối với bảo tồn tự

nhiên và đa dạng sinh học. Mục tiêu đa dạng sinh học cũng được tích hợp vào trong chính sách nước. Quy hoạch không gian: thể hiện ở Chiến lược chính sách quốc gia về quy hoạch không gian và cơ sở hạ tầng (National Policy Strategy for Infrastructure and Spatial Planning - SVIR) (2012).

An toàn trước các tác động bên ngoài: thể hiện trong chương trình Giao dịch an toàn (Safety Deal) (2015) nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực không lường trước đối với con người và môi trường, chủ yếu trong giao thông hoặc xây dựng các cơ sở công nghiệp.

Trách nhiệm đối với môi trường: được tích hợp trong Chi dẫn về trách nhiệm đối với môi trường của EU (2004).

Hợp đồng tự nguyện, giấy phép môi trường: thể hiện qua Chương trình những giao dịch xanh (Green Deals) (2011) sử dụng cách tiền căn riêng để loại bỏ các trở ngại của các ngành công nghiệp và nông nghiệp trong việc thực thi các nỗ lực vì môi trường. Sử dụng các hệ thống quản lý môi trường (EMAS) kết hợp với tiêu chuẩn ISO14001 nhằm tạo thuận lợi hơn cho quy trình quản lý cấp giấy phép môi trường (2014).

3. Giải pháp thực thi chính sách môi trường của Hà Lan những năm gần đây

3.1. Giải pháp về mặt luật pháp

Công cụ chính sách bảo vệ môi trường được sử dụng phổ biến nhất ở Hà Lan là các công cụ tính "mệnh lệnh và kiểm soát" (Command & Controls). Nhiều đạo luật và các quy định đã lần lượt ra đời để kiểm soát tình trạng ô nhiễm và bảo vệ môi trường tự nhiên như Luật đối với rừng (Forest Act) năm 1961, Luật Bảo tồn tự nhiên (Nature Conservation Act) năm 1967, Luật Bảo vệ các động vật nước ngoài quý hiếm (Endangered Foreign Animal Species Act) năm 1975, Luật về việc ô nhiễm nước bề mặt (Surface Water Pollution Act - SWPA) năm 1969, Luật về ô nhiễm nước biển (Sea Water Pollution Act) năm 1975, Luật về vệ sinh môi trường chung (General Environmental Hygiene Act) năm 1979, Luật về nước ngầm (Ground Water Act) năm 1981; Luật về quản lý nước (Water Management Act) năm 1989, Luật về ô nhiễm không khí (Air Pollution Act) năm 1970, Luật về bảo vệ môi trường (Environmental Protection Act) năm 1979, Luật về bảo vệ đất (Soil Protection Act) năm 1994...

Như vậy, các đạo luật, quy định giai đoạn trước những năm 1990 hướng vào giải quyết các vấn đề môi trường cụ thể, thành phần môi trường. Ví dụ vấn đề ô nhiễm không khí trong lĩnh vực nông nghiệp có những quy định khác với ô nhiễm không khí bởi giao thông vận tải hoặc luật về ô nhiễm nước biển, luật về ô nhiễm nước bề mặt, ô nhiễm nước ngầm ... Đây là cách tiếp cận mang tính thực dụng để giải quyết những nhu cầu khẩn cấp của môi trường Hà Lan trong giai đoạn này. Tuy nhiên, cách tiếp cận theo khu vực như vậy có những hạn chế nhất định trong việc giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường, đặc biệt đặt trong bối cảnh chiến lược phát triển bền vững được các nước phát triển quan tâm mạnh mẽ sau Hội đồng về Môi trường và Phát triển đưa ra báo cáo Brundtland năm 1987. Một khuôn khổ mới được đặt ra có tính bước ngoặt đối với việc thiết kế chính sách môi trường của Hà Lan trong những năm sau này là Kế hoạch chính sách môi trường quốc gia (National Environment Policy Plan - NEPP) được Nghị viện Hà Lan thông qua năm 1988 và có hiệu lực năm 1989. Bản kế hoạch không phải là văn bản luật mà mang tính hướng dẫn nền tảng cho việc thực hiện chính sách môi trường. Bộ Môi trường, kế hoạch không gian và nhà ở (Ministry of Housing, Spatial Planning and Environment) ra đời từ năm 1982 chịu trách nhiệm thực hiện chính sách môi trường của Hà Lan trong khi Học viện Quốc gia về Sức khỏe cộng đồng và Bảo vệ môi trường (RIVM) có nhiệm vụ hàng năm tư vấn cho chính phủ về tình trạng môi trường cũng như quá trình thực hiện các kế hoạch môi trường. NEPP được cập nhật theo chu kỳ 4 năm. Về cơ bản, NEPP xác định 8 chủ đề, định vị 9 nhóm đối tượng đồng thời bao gồm việc định nghĩa các mục tiêu chung, các chỉ tiêu mang tính định lượng, các giải pháp cùng các chi phí tương ứng. NEPP mang tính hướng dẫn, toàn diện, định hướng hành động và được xây dựng dựa trên những phân tích tiên bộ bậc nhất trên thế giới.

Dưới sự thúc đẩy của NEPP, hệ thống các điều luật về môi trường của Hà Lan phần lớn được hợp nhất và ra đời Luật về quản lý môi trường (Environmental Management Act - EMA) có hiệu lực vào năm 1993. EMA cung cấp cơ sở pháp lý cho các công cụ bảo vệ môi trường, mặc dù vẫn có riêng các đạo luật đối với đất, nước, và bảo tồn tự nhiên, đảm bảo tính thống nhất và năng động giữa các cấp trung ương, tỉnh và địa phương.

Như vậy, Kế hoạch chính sách môi trường quốc gia (NEPP) năm 1989 đóng vai trò nền tảng, kim chỉ nam mang tính toàn diện cho việc hoạch định và thực hiện chính sách môi trường của Hà Lan. Bước sang thế kỷ 21, NEPP đã được cập

nhật đổi mới lần thứ 4 vào năm 2001 (NEPP-4). Đây chính là yếu tố căn bản chi phối chính sách môi trường từ sau 2000. NEPP-4 cam kết "chuyển đổi có thời hạn tới năm 2030 để tái cấu trúc sản xuất hệ thống tiêu dùng, đồng thời giảm mạnh việc sử dụng các nguồn lực cũng như lượng ô nhiễm. Bên cạnh chương trình "chuyển đổi", một số các sáng kiến khác cũng được đưa ra để thúc đẩy các mục tiêu môi trường, bao gồm "Chương trình năng lực bền vững" (2011), chiến lược "Tăng trưởng xanh", Hiệp định năng lượng phát triển bền vững (2013), Chương trình Delta (2010)...

Song song với các chương trình sáng kiến và kế hoạch chính sách môi trường, Luật về quản lý môi trường (EMA) năm 1993 cung cấp nền tảng pháp lý cho những chính sách môi trường. Việc tinh giản hóa, hợp nhất hóa các điều luật về môi trường đã có sự phát triển vượt ra khỏi khuôn khổ của EMA. Điều này không chỉ bởi vì các chính sách môi trường theo khu vực trong quá khứ mà còn để tích hợp các điều luật và sáng kiến của EU vào chính sách môi trường của Hà Lan. Một trong những văn bản quan trọng được thông qua trong giai đoạn sau 2000 là Nghị định về các hoạt động (Activities Decree), có hiệu lực vào năm 2008. Nghị định này giảm số lượng giấy phép môi trường cần thiết, cung cấp cho một lớn hơn phụ thuộc vào các quy tắc ràng buộc chung (GBRs) dẫn đến cắt giảm khối lượng của các luật và giảm đáng kể số lượng cài đặt yêu cầu giấy phép môi trường. Trong 412.000 cơ sở ở Hà Lan có tác động môi trường, có hơn 390.000 cơ sở thực hiện theo GBRs, phần còn lại cơ quan quản lý yêu cầu giấy phép môi trường. Một nỗ lực tinh giản hóa khác là Luật về các quy định chung đối với Luật môi trường (Act on General Provisions for Environmental Law) năm 2010, thành lập "cơ chế một cửa" đối với cấp giấy phép môi trường giúp giảm gánh nặng hành chính và chi phí liên quan. Ví dụ, cơ chế này thay thế các yêu cầu cho khoảng 25 giấy phép riêng biệt cho các hoạt động như xây dựng, phá dỡ, quy hoạch không gian và các tòa nhà⁷.

Trong lĩnh vực bảo vệ đa dạng sinh học, năm 2002, luật Flora và Fauna ra đời thay thế cho một loạt các luật về tự nhiên trước đó, các khu vực mặt nước được thực hiện bảo vệ theo Hiệp định Ramsar. Việc bảo vệ đa dạng sinh học hướng trọng tâm vào khu vực bờ biển phía Bắc, nơi chịu áp lực nhiều nhất về sự

⁷ OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

suy thoái đa dạng sinh học biển. Vận tải, đánh bắt thủy sản, khai thác dầu, khí, khai khoáng, diễn tập quân sự đều là những đối tượng được điều chỉnh bởi luật. Đến năm 2013, Chương trình vốn tự nhiên ra đời đánh dấu việc chuyển trọng tâm của chính sách tự nhiên từ bảo tồn các khu vực thiên nhiên sang sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái được cung cấp bởi tự nhiên. Đạo luật Bảo tồn tự nhiên 2014 đã thay thế các đạo luật hiện hành liên quan đến tự nhiên (Đạo luật Bảo tồn thiên nhiên năm 1998 và Đạo luật Động thực vật năm 2017, ng thời tích hợp các Chỉ thị của EU có liên quan). Năm 2014, Bộ Kinh tế vạch ra tầm nhìn mới của chính phủ về chính sách tự nhiên. Như vậy, đạo luật này đánh dấu một sự thay đổi trong chính sách tự nhiên, nhấn mạnh thay đổi vai trò của chính phủ từ "quản lý" sang "tạo điều kiện". Phần lớn nội dung của chính sách tự nhiên được chuyển giao cho các chính quyền tỉnh.

Trong thời gian gần đây, Hà Lan bắt đầu chú trọng đến những giải pháp toàn diện hơn trong việc bảo vệ môi trường nói chung. Chẳng hạn, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nước Hà Lan thông qua Luật Delta về quản lý rủi ro lũ lụt và nguồn cung cấp nước ngọt năm 2012. Luật được ra đời do có nhiều lo lắng về tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu và an ninh nguồn nước lâu dài. Sau khi luật ra đời, Chính phủ Hà Lan đã xây dựng Chương trình Delta, đây là chương trình quốc gia về an toàn nước và nguồn cung nước ngọt nhằm ứng phó với những thách thức hiện tại và tương lai của Hà Lan về vấn đề này. Các ủy viên chương trình này do chính phủ chỉ định, lãnh đạo chương trình và gửi đề xuất hành động hàng năm cho nội các chính phủ. Để thực hiện chương trình, Hà Lan cho ra đời Quỹ Delta cung cấp nguồn lực tài chính để thực hiện các giải pháp quản lý rủi ro, lũ lụt và nguồn cung, chất lượng nước ngọt. Số tiền Quỹ Delta có được từ ngân sách trung bình hàng năm là tỷ euro cho đến cuối năm 2028.

Thêm vào đó, Hà Lan sử dụng bộ tiêu chuẩn về môi trường mà EU ban hành nhưng cũng xây dựng cho mình một số tiêu chuẩn riêng. Chẳng hạn, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, ứng phó với lũ lụt ở Hà Lan được đưa ra là cao nhất trên thế giới. Mặc dù không phải tất cả các cấu trúc hạ tầng, sinh thái, kinh tế phòng lũ lụt hiện có đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn nhưng nước này đã có nhiều nỗ lực nhằm thực hiện tiêu chuẩn an toàn đó. Để bảo vệ đa dạng sinh học, Hà Lan thiết lập các tiêu chuẩn giám sát chặt chẽ hơn, chi tiết hơn nhằm kiểm soát việc xả thải trực tiếp N, P vào môi trường nước của các doanh nghiệp công nghiệp. Ngành công nghiệp nước góp phần giảm sự phú dưỡng bằng cách đổi mới công nghệ, nâng

cấp cơ sở hạ tầng xử lý nước thải tại các thành thị. Tuy nhiên, nước nhiễm độc bởi kim loại nặng vẫn chưa có được những giải pháp thích ứng: Trong khu vực giao thông, các biện pháp hướng đến giảm ô nhiễm khí NOx để tránh sự phân tán nơi cư trú là phát triển cơ sở hạ tầng đường sá nhưng hiệu quả còn rất hạn chế.

Việc hoạch định và thực hiện các luật và chính sách liên quan đến môi trường được thực hiện trên 3 cấp độ quản trị: trung ương, tỉnh và thành phố, kết hợp giữa quyền tự chủ và mối quan hệ giữa các cơ quan cấp dưới và chính quyền trung ương. Ba cấp độ này được xác định vai trò, trách nhiệm tương đối hợp lý nên việc quản lý, thực hiện không bị chòng chéo. Chẳng hạn, cơ quan quản lý nước khu vực (RWAs) có vai trò tương đương như các chính quyền thành phố nhưng quyền hạn bị giới hạn trong phạm vi các vấn đề về chất lượng và an toàn nước. Ở cấp quốc gia, Bộ Nhà ở, Quy hoạch không gian và Môi trường thành lập năm 1982 tiếp tục phụ trách hầu hết các lĩnh vực chính sách môi trường cho đến khi được thay thế bởi Bộ Cơ sở hạ tầng và Môi trường - cơ quan sáp nhập Bộ Nhà ở, Quy hoạch không gian và Môi trường và Bộ Quản lý Nước và Giao thông vào năm 2011. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về quản lý môi trường nước và giao thông, ban thư ký môi trường chịu trách nhiệm về môi trường trong khi đó vấn đề đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên tự nhiên được phụ trách bởi Bộ Kinh tế.

Sự tự chủ được thể hiện thông qua việc ban hành và thực thi quy định và việc quản trị của chính cấp đó cùng với các quyền về thu thuế. Quyền tự chủ được thực hiện theo nguyên tắc từ trên xuống, luật pháp quốc gia giới hạn luật của các tỉnh và luật tỉnh giới hạn luật của các thành phố.

Trong từng lĩnh vực quản lý ở của quốc gia có các bộ khác nhau chịu trách nhiệm quản lý. Chẳng hạn, trong lĩnh vực quản lý nước ở cấp quốc gia, Bộ Môi trường, Quy hoạch không gian và Nhà ở (VROM), Bộ Giao thông, Công trình công cộng và Quản lý nước (V&W), Bộ Nông nghiệp Quản lý Tự nhiên và Thủy sản phụ trách hoạch định và giám sát các chính sách trong khi cấp địa phương bao gồm chính quyền tỉnh, thành thị và các Ủy ban về nước (Water boards) đảm nhiệm việc thực thi. Từ sau năm 2000, các Ủy ban về nước đã hoàn toàn thay thế chính quyền cấp tỉnh trong việc quản lý nước bề mặt theo khu vực trên toàn bộ lãnh thổ Hà Lan Nhiều Ủy ban về nước đảm nhận các nhiệm vụ bảo trì kênh đào, lạch, mương, hệ thống thoát nước, quản lý chất lượng nước và hệ thống xử lý nước thải. Chính quyền các tỉnh hiện nay tập trung vào các nhiệm vụ chiến lược tạo ra khung khổ quản lý nước và hoạt động giám sát cấp khu vực. Một đặc điểm mới trong

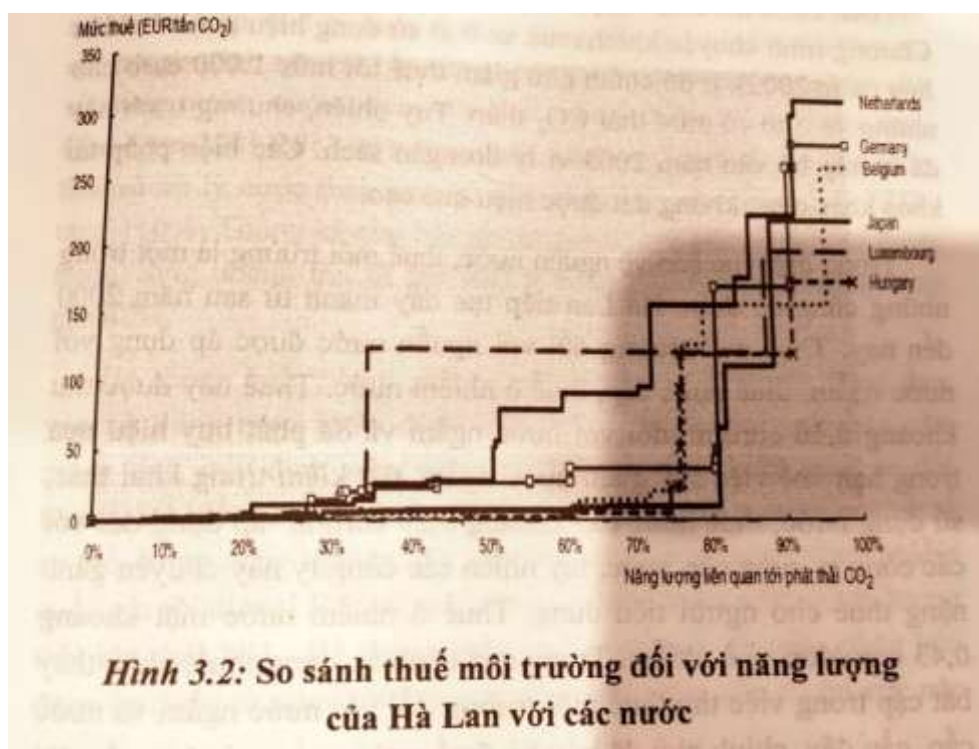
những thay đổi về thể chế quản lý nước là sự xuất hiện các công ty cung ứng nước trong quá trình hội nhập dịch vụ nước thay thế cho khu vực công

Bộ Nông nghiệp, Quản lý Tự nhiên và Thủy sản chịu trách nhiệm giám sát các chính sách liên quan đến việc quản lý tự nhiên và đa dạng sinh học.

Như vậy, từ sau năm 2000, tại Hà Lan có xu hướng phi tập trung hóa quyền quản lý môi trường, điều này cũng có những tru điểm và hạn chế nhất định. Sự phân cấp quyền lực một mặt có thể tạo cơ hội để hội nhập tốt hơn chính sách môi trường, chính sách không gian, tạo ra sự cân bằng tương đối giữa lợi ích địa phương và các chủ thể nhưng ngược lại sự phân cấp cũng có thể dẫn đến sự thỏa hiệp của các chủ thể trong việc thực hiện các mục tiêu môi trường và các mục tiêu kinh tế ngắn hạn. Đây là điều kiện để cho các dịch vụ môi trường phát triển từ sau năm 2000 tại Hà Lan,

3.2. Giải pháp về kinh tế

Thuế môi trường đã bắt đầu được sử dụng từ những năm 1990 đánh trực tiếp vào năng lượng, tiếp theo đó là các loại thuế môi trường khác cũng được nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, Thuế môi trường đối với năng lượng (REB) (1996) áp dụng cho khí gas tự nhiên, điện, dầu... được đánh khá cao. Chẳng hạn, đối với khí tự nhiên, 170.000m sử dụng đầu tiên mỗi năm bị đánh thuế là 0,1911 EUR/m. Nếu sử dụng trên 10 triệu m³ thuế suất cận biên giảm nhanh, đạt 0,1818 EUR/m³ Đối với điện, trong khi 10.000kWh đầu tiên mỗi năm được tính thuế 0,1196 EUR/kWh, thuế suất mỗi kWh giảm đáng kể khi sử dụng tăng lên, có thể đạt ở mức 0,0005 EUR/kWh.



Hình 3.2: So sánh thuế môi trường đối với năng lượng của Hà Lan với các nước⁸

Đối với nhiên liệu phục vụ giao thông, là nguồn chính gây ô nhiễm không khí Hà Lan thực hiện áp dụng thuế đối với xăng dầu cao hơn rất nhiều so với các quốc gia láng giềng như Bỉ, Đức, hay quốc gia tham chiếu như Nhật Bản.

Cùng với việc áp thuế năng lượng, Hà Lan cũng áp dụng thuế nhiên liệu sử dụng đối với từng loại phương tiện giao thông để giảm ô nhiễm CO₂. Ví dụ, đối với động cơ diesel, xe ô tô trung bình thải ra 250g CO₂/km, mức thuế thu với phương tiện đã vượt quá thời gian lưu hành cho phép là 1.150 euro. Về cơ bản, Hà Lan có xu hướng thực hiện áp thuế 1 lần đối với ô tô để thu thuế nhiên liệu.

Bên cạnh đó, nước này cũng có một số biện pháp hỗ trợ như Chương trình khuyến khích mua xe ô tô sử dụng hiệu quả về nhiên liệu (năm 2002), ở đó chính phủ giảm thuế tới mức 1.000 euro cho những xe ô tô có mức thải CO, thấp. Tuy nhiên, chương trình này đã bị hủy bỏ vào năm 2003 vì lý do ngân sách. Các biện pháp tài khóa khác cũng không đạt được hiệu quả cao.

⁸ Nguồn: OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

Trong lĩnh vực bảo vệ nguồn nước, thuế môi trường là một trong những công cụ được Hà Lan tiếp tục đẩy mạnh từ sau năm 2000 đến nay. Thuế môi trường đối với nguồn nước được áp dụng với nước ngầm, thuế nước cấp, thuế ô nhiễm nước. Thuế này được thu khoảng 0,16 euro/m đối với nước ngầm và đã phát huy hiệu quả trong hạn chế việc suy giảm nước ngầm, tiết kiệm trong khai thác, sử dụng nước; thuế nước cấp khoảng 0,29 euro/m áp dụng đối với các công ty cung cấp nước, tuy nhiên các công ty này chuyển gánh nặng thuế cho người tiêu dùng. Thuế ô nhiễm nước mặt khoảng 0,43 euro/đơn vị ô nhiễm. Trong quá trình áp dụng thuế, nhận thấy bất cập trong việc thu thuế môi trường đối với nước ngầm và nước cấp, gần đây, chính phủ đã hủy bỏ thuế nước ngầm và tăng gấp đôi thuế đối với nước cấp vào năm 2013. Đối với đối tượng sử dụng lượng nước lớn, Hà Lan có chính sách ưu đãi nhất định, chẳng hạn mức thu thuế đối với 300m đầu tiên là 0,333 euro/m và miễn thuế đối với phần nước cấp sau đó trong một năm.

Như vậy, thuế môi trường là giải pháp được sử dụng rộng rãi và đóng vai trò chủ đạo từ những năm 2000 trở lại đây ở Hà Lan. Việc sử dụng nhiều loại thuế và mức thuế khác nhau, với tỷ suất thuế cao thể hiện nỗ lực của Hà Lan trong bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh hướng tới phát triển bền vững.

Phí môi trường, được thu nhằm một phần hỗ trợ cho việc quản lý từ người sử dụng. Hầu hết phí này được người dân hưởng ứng và đóng đầy đủ. Theo thống kê, giai đoạn 1990-2015, các thành phố thu được >80% phí môi trường từ các hộ gia đình⁹. Trong đó, phí nước thải xấp xỉ 2 tỷ euro do Ủy ban quản lý về nước. Hiện nay, các hộ gia đình của Hà Lan đang phải trả 3 khoản phí riêng biệt cho sử dụng nước: nước cấp, nước thải, và hệ thống xử lý nước thải. Giai đoạn 2001-2013 có sự gia tăng mạnh về doanh thu từ phí nước thải và xử lý nước thải, tăng từ 65 triệu EUR đến gần 1,5 tỷ EUR, tăng 110%. Thống kê cho biết do sự gia tăng mạnh về chi phí thoát nước, tổng doanh thu từ phí môi trường giai đoạn này cũng tăng gần 40%.

Hệ thống giấy phép, chuyển nhượng, cota ô nhiễm được đưa vào sử dụng năm 1995 đánh dấu bước chuyển từ cách tiếp cận mang tính quy định sang giám sát việc tự thực hiện của các đối tượng. Để kiểm soát ô nhiễm không khí thông qua giải pháp kinh tế cụ thể, trong nông nghiệp, Hà Lan tiếp tục duy trì mức trần

⁹ OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

ô nhiễm quốc gia (National Emission Ceilings) nhằm kiểm soát tối đa lượng thải khí thải NH₃. Hệ thống thầu khoán chuyển nhượng phân bón được áp dụng từ năm 2002, trong đó người nông dân ở khu vực nào đó dư thừa phân bón được ký kết hợp đồng với những người ở khu vực còn thiếu phân bón hoặc các nhà xử lý trung gian nhằm sử dụng lượng phân bón dư thừa. Điều này góp phần làm giảm lượng amoniac thải ra từ lưu trữ phân bón, đặc biệt ở các khu vực nhà kho chứa phân bón.

Trong ngành công nghiệp và năng lượng, việc mua bán quyền phát thải được áp dụng vào năm 2004 cho nhóm các khí NO. Biện pháp này đã thu hút nhanh chóng sự tham gia của khoảng 200 công ty lớn như một sự thay thế cho các hợp đồng môi trường và giấy phép.

- Đầu tư, trợ cấp, trợ giá... được Hà Lan áp dụng linh hoạt, chẳng hạn, để kiểm soát ô nhiễm không khí Hà Lan có chính sách trợ giá năng lượng đối với năng lượng có khả năng tái tạo, tăng giá năng lượng với nguồn năng lượng không có khả năng tái tạo. Những năm 2000-2010, giá điện trong các ngành công nghiệp của Hà Lan cao hơn 10% so với mức giá trung bình của châu Âu, và thậm chí cao hơn khoảng 17% đối với giá điện sinh hoạt cho các hộ gia đình. Chương trình Chất lượng không khí quốc gia, nhằm tăng cường sự phối hợp giữa trung ương và địa phương trong bảo vệ môi trường. Chính phủ cung cấp hơn 1,55 tỷ euro để giảm nồng độ chất ô nhiễm không khí, trong đó khoảng 554 triệu euro được trợ cấp để trang bị các bộ lọc không khí cho xe chạy bằng dầu diesel, 45 triệu euro tài trợ cho hộ nông dân chăn nuôi mua máy lọc không khí để giúp giảm bụi PM₁₀.... Chương trình này đã phát huy hiệu quả đáng kể giúp cho các khu vực kinh tế giảm thiểu ô nhiễm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Các công cụ kinh tế nhằm hỗ trợ nguồn tài chính cho việc bảo vệ môi trường đã được tăng cường sử dụng. Chi tiêu cho bảo vệ môi trường đã tăng từ 1,1% GDP năm 1980 đến 1,9% GDP năm 1990, và sau đó là 2,7% năm 1995, đến những năm gần đây mức chi tiêu xấp xỉ 3%¹⁰. Cấu trúc chi tiêu tài chính cho bảo vệ môi trường tập trung vào chống lũ lụt, cung cấp nước ngọt, kiểm soát chất lượng nước, quản lý cấp nước và vệ sinh công cộng... Trong năm 2016, Bộ Cơ sở hạ tầng và Môi trường (Ministry of Infrastructure & the Environment-I & M) chỉ gần 9 tỷ

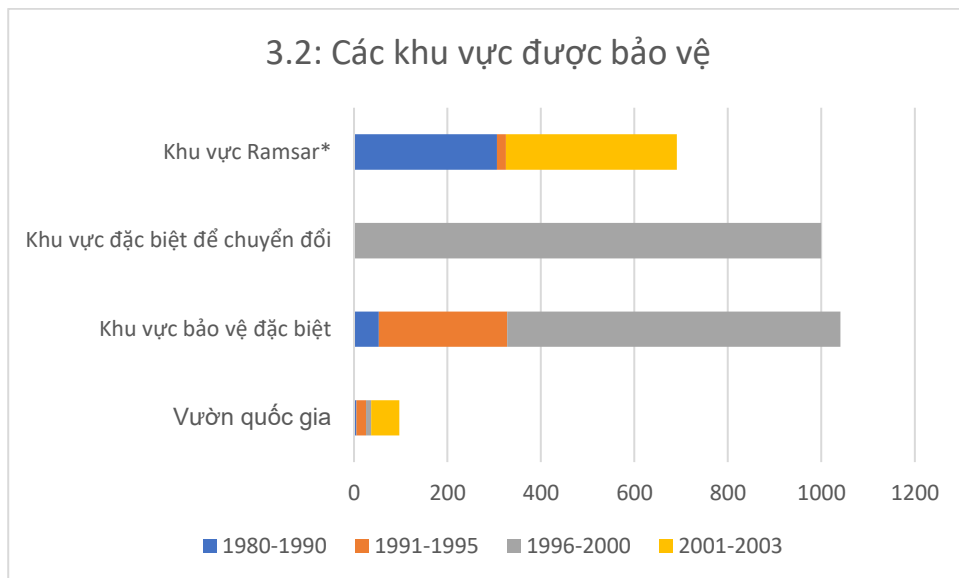
¹⁰ OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.

euro cho các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề liên quan đến khả năng tiếp cận, quản lý rủi ro lũ lụt và bền vững. Trong đó, thông qua quỹ cơ sở hạ tầng, tổng số 5,8 tỷ euro sẽ được chi cho đường sắt, đường bộ và đường thủy, khoảng 1,2 tỷ euro từ Quỹ Delta sẽ được sử dụng cho các biện pháp nhằm bảo vệ đất, nước, chống ngập lụt và đảm bảo cung cấp đủ nước ngọt¹¹.

Mặt khác, chính phủ cũng tìm cách tháo gỡ những khoản trợ cấp gắn liền với nông nghiệp trong khuôn khổ Chính sách nông nghiệp chung châu Âu (CAP) có tác động tiêu cực tới môi trường, làm gia tăng phú dưỡng. Các "yêu cầu tuân thủ chéo" nhằm cải thiện môi trường cũng được đảm bảo chẳng hạn, CAP yêu cầu nông dân phải tuân thủ nghĩa vụ môi trường mới được nhận hỗ trợ tài chính. Các khoản trợ cấp có hại cho môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp cũng giảm nhiều trong những năm qua. Do các yêu cầu về tuân thủ chéo, hệ thống hỗ trợ sản xuất trực tiếp đã chuyển sang hỗ trợ trên mỗi đơn vị diện tích "ha". Theo báo cáo OECD năm 2015, trợ cấp nông nghiệp hiện nay về cơ bản không còn có hại hoặc ít gây hại cho môi trường.

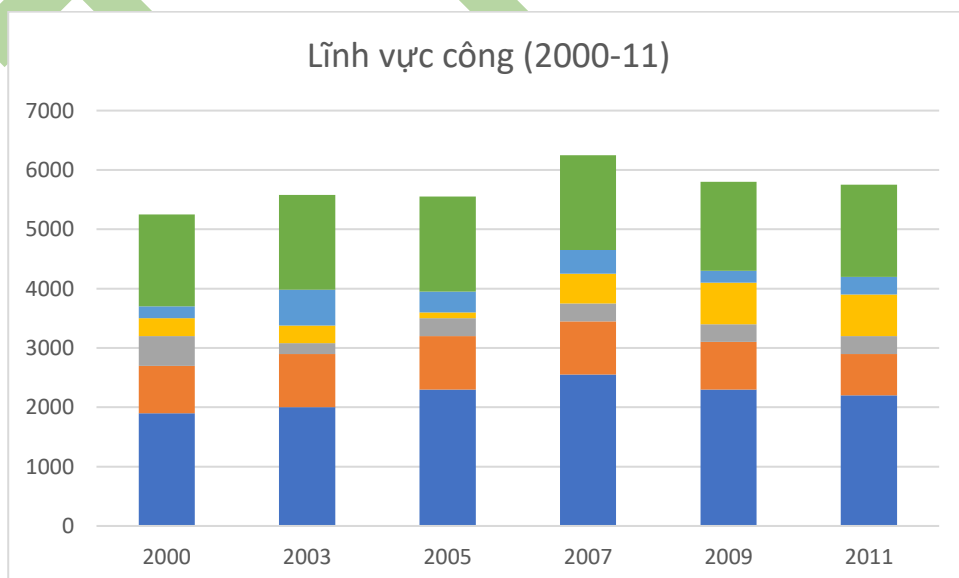
Đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học, Chính phủ Hà Lan xác định cần phải có sự gia tăng diện tích nơi cư trú cho động, thực vật thông qua việc chuyển đổi đất nông nghiệp thành khu vực dự trữ tự nhiên. Tuy nhiên, đây là việc làm không dễ dàng, mua lại đất nông nghiệp là biện pháp chính để có được các khu vực bảo tồn tự nhiên. 80% các giao dịch được thực hiện bởi nhà nước và 20% còn lại do khu vực tư nhân đảm nhiệm. Đất được mua theo chương trình này sẽ được phân thành dịch vụ rừng quốc gia (50%), công trình kỷ niệm tự nhiên (25%) do trung ương quản lý, và các cơ quan bảo tồn nhiên cấp tỉnh (25%). Việc mua lại đất nông nghiệp khiến chính phủ thiếu nguồn kinh phí, do đó chính phủ đã chuyển trọng tâm từ mua bán đất cho bảo tồn tự nhiên sang các hợp đồng quản lý với các chủ đất (người nông dân). Các khu vực được bảo vệ được giao khoán bao gồm 482.000ha, tương đương với 11,6% tổng diện tích đất. Hầu hết khu vực được bảo vệ là khu vực dự trữ tự nhiên. Các công việc quốc gia với diện tích đất lớn đã tăng mạnh sau năm 2000, riêng năm 2003 đã có 4 công viên bao phủ 30.000ha.

¹¹ Invest in Holland (2016), Dutch Infrastructure & Environment Budget 2016, URL: <https://investinholland.com/dutch-infrastructure-environment-budget-2016-innovative-solutions-for-a-sustainable-and-accessible-country>, truy cập ngày 23/10/2018.

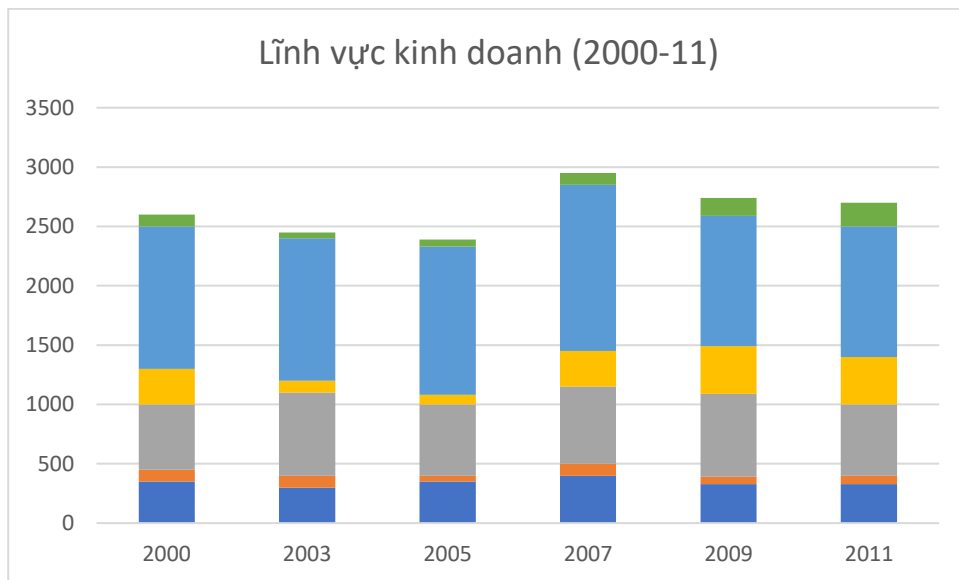


Bảng 3.2: Các khu vực được bảo vệ¹²

Các chương trình chi tiêu bao gồm cả chi tiêu công và chi tiêu của khối doanh nghiệp. Đối với chi tiêu công cho quản lý nước chiếm khoảng 1,3% GDP của Hà Lan, tương đương với hơn 5 tỷ euro (theo yêu cầu của EU); chi tiêu của khối doanh nghiệp khoảng 20 tỷ euro/năm (trong khi yêu cầu của EU chỉ là 0,4 tỷ euro/năm). Việc tăng chi tiêu công và chi tiêu của doanh nghiệp cho quản lý nước là phù hợp với xu thế chung, tuy nhiên, trong từng thời đoạn | thể mức tăng này không được như kỳ vọng. Chẳng hạn, chi tiêu này giảm đi khi các nước gặp khủng hoảng kinh tế tài chính.



¹² Nguồn: OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.



Bảng 3.3: Chi tiêu bảo vệ môi trường giai đoạn 2000-2011¹³

Bên cạnh các công cụ kinh tế, đã có sự gia tăng các công cụ mang tính xã hội như việc xây dựng sự đồng thuận bảo vệ môi trường và các hợp đồng tự nguyện. Về cơ bản, hợp đồng tự nguyện đã thu được thành tích rất ấn tượng với số lượng hơn 100 hợp đồng trong ngay sau cuộc thảo luận giữa chính phủ và khu vực tư nhân. Trong thập niên 90, Hà Lan trở thành một trong hai quốc gia (cùng với Đức) thông qua số lượng các hợp đồng tự nguyện lớn nhất khối EU. Các hợp đồng môi trường được thực hiện rộng rãi trong các ngành sản xuất, bản thân các ngành đều có trách nhiệm thực hiện báo cáo về môi trường liên quan. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí, việc giảm thiểu lượng khí thải VOC và bụi được thực hiện chủ yếu thông qua các hợp đồng môi trường (EAs) giữa nhà nước và các doanh nghiệp. Những hợp đồng kiểu này được áp dụng chủ yếu trong các ngành hóa học, lọc dầu, vận chuyển, lưu kho. Tuy nhiên, hạn chế chính của EA là không khuyến khích đổi mới công nghệ cũng như sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).

¹³ Nguồn: OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing. URL: <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Vương quốc Hà Lan, URL: <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeQuocGia?diplomacyNationId=207&diplomacyZoneId=3&vietnam=0>, truy cập ngày 20/11/2018
2. World population review (2018), Netherlands Population 2018, URL: <http://worldpopulationreview.com/countries/netherlands-population>, truy cập ngày 15/8/2018.
3. The statistic portal (2018), Netherlands: Distribution of gross domestic product (GDP) across economic sectors from 2007 to 2017, URL: <https://www.statista.com/statistics/276713/distribution-of-gross-domestic-product-gdp-across-economic-sectors-in-the-netherlands/>, truy cập ngày 11/10/2018.
4. Trading economic (2018), Netherlands GDP per capita, URL: <https://tradingeconomics.com/netherlands/gdp-per-capita>, truy cập ngày 18/10/2018
5. OECD (2015), OECD Environmental Performance Reviews: The Netherlands 2015, OECD Publishing, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264240056-en>.
6. Invest in Holland (2016), Dutch Infrastructure & Environment Budget 2016, URL: <https://investinholland.com/dutch-infrastructure-environment-budget-2016-innovative-solutions-for-a-sustainable-and-accessible-country>, truy cập ngày 23/10/2018.